

28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ², trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc³, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người⁴.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy, Thế Tôn nghĩ rằng:

“Ngày hôm nay khát thực, thời gian còn sớm, Ta hãy đến thăm khu rừng của Phạm chí Bố-tra-bà-lâu⁵; đợi đến giờ rồi hãy đi khát thực”. Rồi Ngài đi đến rừng của Phạm chí. Phạm chí Bố-tra-bà-lâu từ xa trông thấy Phật đi đến, liền đứng dậy nghinh đón rằng:

“Hoan nghinh, Sa-môn Cù-đàm! Lâu nay không đến. Nay vì duyên cơ gì lại khuất mình chiếu cố? Xin mời ngồi phía trước đây.”

Thế Tôn ngồi xuống chỗ ấy, nói với Bố-tra-bà-lâu rằng:

“Các ông tập họp tại đây, để làm gì? Để bàn chuyện gì?”

Phạm chí bạch Phật:

-
1. Bản Hán: *Phật thuyết Trường A-hàm*, đệ tam phần “Bố-tra-bà-lâu kinh đệ cửu”; Pāli; D.9, Dig. I. 9 Pottḥapāda-suttasa.
 2. Xá-vệ (Pāli: Sāvattḥī; Skt.: Śrāvasti) hoặc âm Tát-la-phiệt-đế, thủ phủ của nước Câu-tát-la (Pāli: Kosaka, Skt.: Kausalya).
 3. Kỳ thọ Cấp cô độc viên (Pāli: Jetavana Anāthapiṇḍikārāma, Skt.: Jetavane' nāthapiṇḍadaya-ārāma), tịnh xá do ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) xây dựng trong khu rừng của Jeta (Hán dịch: Thắng lâm).
 4. Bản Pāli, D.9, sđd.: không ghi số lượng Tỳ-kheo.
 5. Trong bản Pāli, D.9, sđd.: Pottḥapādo pabbājako samayappavādake tindukācīre eka-sālake Malikāya ārāme paṭivasati mahatiyā paribbājaka-parisāya saddhim timattehi paribbājaka-satehi, du sī Pottḥapāda ngụ cư trong khu vườn của hoàng hậu Mallika, trong đại giảng đường luận nghị được bao quanh bởi cây tinduka, cùng với giáo đoàn du sĩ gồm ba trăm người.

“Thế Tôn, ngày hôm qua⁶ có nhiều Sa-môn, Bà-la-môn tập họp tại giảng đường, bàn luận sự việc như vậy⁷. Những vấn đề chống trái nhau.

“Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vậy: ‘Con người phát sanh tưởng không do nhân gì duyên gì. Tưởng có đến, có đi. Đến thì tưởng sanh. Đi thì tưởng diệt.’⁸”

“Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vậy: ‘Do mạng, có tưởng sanh; do mạng, có tưởng diệt. Tưởng kia đi, đến. Đến thì tưởng sanh. Đi thì tưởng diệt.’⁹”

“Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vậy: ‘Các thuyết nói trước đó không đúng sự thật. Có vị đại quỷ thần, có uy lực lớn, mang tưởng đi; mang tưởng đến. Khi vị ấy mang tưởng đi thì tưởng diệt. Khi vị ấy mang tưởng đến thì tưởng sanh.’¹⁰”

“Tôi nhân đó có suy nghĩ, nghĩ rằng Sa-môn Cù-đàm tất biết rõ ý nghĩa này, tất có thể biết rõ tưởng tri diệt định¹¹.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với Phạm chí rằng:

-
6. Hán: tạc nhật 昨日; Pāli, D. 9 § 6: purimāni divasāni purimatarāni: vài ngày trước đây.
 7. Hán: thuyết như thị sự 說如是事, không nói rõ nội dung. Pāli, sdd.: abhisaññā-nirodha, sự diệt tận của tăng thượng tưởng.
 8. Tham chiếu Pāli, sdd.: Ahetu-apaccayā purisassa saññā upajjanti pi nirujjanti pi. Yasmim samaye uppajjanti saññī tasmim samaye hoti, yasmim samaye nirujjanti, asaññī tasmim samaye hotīti: các tưởng của con người sanh khởi hay hủy diệt không do bởi nhân gì duyên gì. Khi chúng sanh khởi, lúc đó con người có tưởng. Khi chúng diệt, lúc đó con người không có tưởng.
 9. Tham chiếu Pāli, nt.: Saññā hi bho purussa attā, sā ca kho upeti pi apeti pi. Yasmim samaye (...), tưởng là tự ngã của con người. Tự ngã có đến, có đi. Khi nó đến, tưởng sanh (...). Trong bản Hán: mạng (Pāli: jīva); trong bản Pāli: attā (tự ngã). Phổ thông, jīva hay attā đều chỉ chung là linh hồn.
 10. Tham chiếu Pāli, nt.: Santi hi bho devatā mahaddhikā mahānubhāvā. Tā purissa saññāṃ upakaḍḍhanti pi apakaḍḍhanti pi. Yasmim samaye upakaḍḍhanti saññī (...), có những Thiên thần có đại thần thông, có đại uy lực đưa vào và đưa ra tưởng của con người. Khi đưa vào thì có tưởng (...).
 11. Hán: tưởng tri diệt định; có lẽ muốn nói đến tưởng thọ diệt tận định (Pāli: saññā-vedayita-nirodha, Skt.: saññā-vedita-nirodha), thiền định trong đó ý tưởng và cảm giác bị đình chỉ. Pāli, D.9 sdd. nt.: chỉ nói: Bhagavā pakataññū abhisaññā-nirodhassa: Thế Tôn là người thấu rõ sự diệt tận của tăng thượng tưởng.

“Các luận thuyết ấy đều có chỗ sai lầm. Tức là nói không do nhân, không do duyên mà có tướng sanh; không do nhân, không do duyên mà có tướng diệt; tướng có đến, đi; đến thì tướng sanh, đi thì tướng diệt. Hoặc nói nhân bởi mạng mà tướng sanh, nhân bởi mạng mà tướng diệt; tướng có đến, đi; đến thì tướng sanh, đi thì tướng diệt. Hoặc nói, không hề có chuyện đó, mà là có một vị đại quỷ thần mang tướng đến và mang tướng đi; khi vị ấy mang đến thì tướng sanh; khi mang đi thì tướng diệt. Những lời như vậy thảy đều sai lầm. Vì sao? Nay Phạm chí, có nhân, có duyên để tướng sanh. Có nhân, có duyên để tướng diệt.

“Nếu Như Lai xuất hiện ở đời; là Bạc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ. Có người ở trong Phật pháp mà xuất gia tu đạo, cho đến, diệt năm triền cái che lấp tâm, trừ khử dục, ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập Sơ thiền. Trước diệt tướng về dục, rồi phát sanh tướng về hỷ và lạc. Phạm chí, vì vậy biết có nhân duyên cho tướng sanh, có nhân duyên cho tướng diệt.

“Diệt giác, quán, nội tâm hoan hỷ¹², nhất tâm, không giác, không quán, hỷ và lạc do định sanh, nhập đệ Nhị thiền. Phạm chí, kia tướng của Sơ thiền diệt, tướng của Nhị thiền sanh, vì vậy nên biết có nhân duyên để tướng diệt; có nhân duyên để tướng sanh.

“Dứt hỷ, an trú xả¹³, chuyên niệm nhất tâm¹⁴, tự biết thân lạc, điều mà Hiền thánh mong cầu, hộ niệm thanh tịnh¹⁵, nhập đệ Tam thiền. Phạm chí, kia tướng của Nhị thiền diệt, tướng của Tam thiền sanh. Vì vậy nên biết có nhân duyên để tướng diệt, có nhân duyên để tướng sanh.

“Dứt khổ, dứt lạc, ưu và hỷ từ trước đã diệt, xả niệm thanh tịnh,

¹². Hán: nội tín 內信, tức nội đẳng tịnh 內等淨 (Huyền Tráng), trạng thái nội tâm trong sáng; Pāli: ajjhataṃ sampasa-danaṃ. Xem cht. 123, kinh số 2 “Du Hành iii”.

¹³. Hán: xả hỷ tu hộ 捨喜修護, Tham chiếu, *Pháp Uẩn Túc luận*, quyển 6 (Đại XXXVI, tr.482): ly hỷ trú xả 離喜住捨; Pāli: pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati. Xem cht.124, kinh số 2 “Du Hành iii”.

¹⁴. Tham chiếu *Pháp Uẩn* sdd. nt.: chánh niệm chánh tri 正念正智; Pāli: sato ca sampajāno.

¹⁵. Hán: tự tri thân lạc, Hiền thánh sở cầu, hộ niệm thanh tịnh 自知身樂賢聖所求護念清淨. Tham chiếu *Pháp Uẩn*, sdd. nt.: thân thọ lạc, Thánh thuyết ứng xả 身受樂聖說應捨, thân thể có cảm giác khoái lạc, điều mà Thánh nói là cần phải xả; Pāli: sukhañ ca kāyena paṭisaṃvedeti yan taṃ ariyā ācikkhanti upekkhako satimā sukha-vihārī ti: thân thể cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là xả, an trú với niệm.

nhập đệ Tứ thiền¹⁶. Phạm chí, kia tưởng Tam thiền diệt, tưởng Tứ thiền sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng diệt; có nhân duyên để tưởng sanh.

“Xả¹⁷ hết thấy tưởng về sắc, diệt nhuế¹⁸, không niệm dị tưởng¹⁹, nhập không xứ²⁰. Nay Phạm chí, tưởng về hết thấy sắc diệt, tưởng về không xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

“Vượt hết thấy không xứ, nhập thức xứ. Nay Phạm chí, tưởng về không xứ diệt, tưởng về thức xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

“Vượt hết thấy thức xứ, nhập bất dụng xứ²¹. Nay Phạm chí, tưởng về thức xứ diệt, tưởng về bất dụng xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

“Xả bất dụng xứ, nhập hữu tướng vô tướng xứ²². Nay Phạm chí, tưởng về bất dụng xứ diệt, tưởng về hữu tướng vô tướng xứ sanh. Vì

¹⁶. Tham chiếu *Pháp Uẩn, sđd. nt.*: đoạn khổ, đoạn lạc; tiên hỷ ưu một; bất khổ bất lạc, xả niệm thanh tịnh, đệ tứ tĩnh lự cụ túc trú 斷苦斷樂先喜憂沒不苦不樂捨念清淨 第四靜慮具足住; Pāli: sukhasa pahānā dukkhassa pahānā pubb’ eva somanassa-domanassānaṃ atthagamā adukkham asukhaṃ upekhā-sati-pārisuddhiṃ upasampajja viharati, dứt trừ lạc, dứt trừ khổ, hỷ và ưu từ trước đã biến mất, sau khi thành tựu xả và niệm, vị ấy sống với trạng thái không khổ không lạc.

¹⁷. Xả, *Pháp Uẩn, sđd.*: tr. 488b: siêu 超; Pāli: samatikamā: vượt qua.

¹⁸. Diệt nhuế, *Pháp Uẩn, sđd. nt.*: diệt hữu đối tưởng 滅有對想; Pāli: paṭigha-saññānaṃ atthagamā. Hán dịch không chính xác. Mặc dù Pāli: paṭigha, hay Skt.: pratigha, có nghĩa là sân và cũng có nghĩa bị đối ngại, chỉ đặc tính bị cản trở của vật chất.

¹⁹. Hán: bất niệm dị tưởng 不念異想. *Pháp uẩn sđd. nt.*: bất tư duy chủng chủng tưởng 不思唯種種想; Pāli: nānatta-saññānaṃ amanasi-kārā: không tác ý về tưởng sai biệt, tức ý tưởng hay ấn tượng về tính đa dạng của vật chất.

²⁰. *Pháp Uẩn, sđd. nt.*: nhập vô biên không; không vô biên xứ cụ túc trú 入無邊空 空無邊處具足住; Pāli: “ananto ākāso ti” ākāsañācāyatanam upasampajja viharati: (có ý tưởng rằng) hư không là vô biên; thành tựu và an trú không vô biên xứ.

²¹. *Pháp Uẩn, sđd. nt.*: siêu nhất thiết chủng thức xứ, nhập vô sở hữu; vô sở hữu xứ cụ túc trú 超一切種識處入無所有無所有處具足住; Pāli: sabbaso viññānañcāyatanam samatikkamma “n’atthi kiñcī ti” ākiñcaññāyatanam upasampajja viharati.

²². Bản Pāli không có đoạn bất dụng xứ; đoạn tưởng tri diệt, xem phần dưới.

vậy biết rằng có nhân duyên để tướng sanh, có nhân duyên để tướng diệt.

“Kia xả hữu tướng vô tướng xứ, nhập tướng tri diệt định. Nay Phạm chí, tướng về hữu tướng vô tướng xứ diệt; nhập tướng tri diệt định. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tướng sanh, có nhân duyên để tướng diệt.

“Vị ấy khi đạt đến tướng này rồi²³, suy nghĩ như vậy: có niệm là ác, không niệm là thiện. Vị ấy khi suy nghĩ như vậy, tướng vi diệu của vị ấy không diệt, mà tướng thô lại sanh²⁴. Vị ấy lại suy nghĩ: Nay ta không nên niệm hành, không khởi tư duy²⁵. Vị ấy khi không niệm hành, không khởi tư duy, tướng vi diệu diệt, tướng thô không sanh. Khi vị ấy không niệm hành, tướng vi diệu diệt, tướng thô không sanh, liền nhập định tướng tri diệt²⁶.

“Thế nào, Phạm chí, từ trước đến nay ông đã bao giờ nghe nhân duyên của thứ tự diệt tướng²⁷ này chưa?”

Phạm chí bạch Phật:

“Tôi tin là từ trước đến nay chưa bao giờ nghe đến nhân duyên của thứ tự diệt tướng này.”

Phạm chí lại bạch Phật:

“Nay tôi có ý nghĩ như vậy, tức là, đây là có tướng; đây là không có tướng. Hoặc lại có tướng. Sau khi có tướng như vậy rồi, vị ấy suy nghĩ như vậy: có niệm là ác, không niệm là thiện. Vị ấy khi suy nghĩ như vậy, tướng vi diệu của vị ấy không diệt, mà tướng thô lại sanh. Vị

²³. Tham chiếu Pāli, D.9: so tato amutra tato amutra anupubbena saññaggam phusati. Tassa saññagge t̥hitassa evaṃ hoti: vị ấy theo thứ tự từ tướng này đến tướng khác, đạt đến đỉnh cao của tướng. Khi đã đạt đến đỉnh cao của tướng, vị ấy nghĩ rằng...”

²⁴. Tham chiếu Pāli, D.9 nt.: Ahañ ceva kho pana ceteyyaṃ abhisamkhareyyaṃ, imā ca me saññā nirujjheyyaṃ, aññā ca oḷārukā saññā uppajjeyyaṃ: Nếu ta tư lự, tác ý, tướng này của ta diệt, tướng thô khác sanh. Trong bản Hán, vi diệu tướng, đối lại với thô tướng.

²⁵. Hán: Bất vi niệm hành, bất khởi tư duy 不念行不起思唯. Pāli, sdd. nt.: ceteyyaṃ abhisamkhareyyaṃ.

²⁶. Pāli, nt.: so nirodham phusati: vị ấy đạt đến trạng thái diệt tận (của các tướng).

²⁷. Thứ đệ diệt tướng 次第滅想; Pāli: anupubbābhisaññā-nirodha-sampajāna-samapatti: trạng thái tập trung tư tưởng do nhận thức về sự diệt tận của tầng thượng tướng theo thứ tự lần lượt.

ấy lại suy nghĩ: Nay ta không nên niệm hành, không khởi tư duy. Vị ấy khi không niệm hành, không khởi tư duy, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh. Khi vị ấy không niệm hành, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh, liền nhập định tưởng tri diệt²⁸.”

Phật nói với Phạm chí:

“Lành thay, lành thay, đó là theo thứ tự đạt diệt tưởng định trong pháp của Hiền thánh.”

Phạm chí lại bạch Phật:

“Trong các tưởng này, tưởng nào là tối thượng bậc nhất?”

Phật nói với Phạm chí:

“Những gì được nói là có tưởng và những gì được nói là không có tưởng, ở khoảng trung gian đó mà có thể thứ tự đạt được tưởng tri diệt định, đó là tưởng tối thượng bậc nhất.”

Phạm chí lại hỏi:

“Là một tưởng, hay nhiều tưởng²⁹?”

Phật nói:

“Có một tưởng. Không có nhiều tưởng³⁰.”

Phạm chí lại hỏi:

“Trước có tưởng sanh sau đó mới trí, hay trước có trí sanh sau đó mới tưởng?”

Phật nói:

“Trước có tưởng sanh, sau đó mới trí. Do tưởng mà có trí.”

Phạm chí lại hỏi:

“Tưởng tức là ngã³¹ chăng?”

Phật hỏi:

“Người nói con người như thế nào là ngã?”

²⁸. Phạm chí lặp lại lời Phật. Nội dung đoạn này và đoạn trên giống nhau, nhưng văn cú hơi khác.

²⁹. Tham chiếu Pāli, D.9: *Ekam yeva nu kho bhante Bhagavā saññaggam paññāpeti, udāhu puthu pi saññagge paññāpetīti*: Thế Tôn cho biết một cực điểm của tưởng hay nhiều cực điểm của tưởng khác nhau?

³⁰. Tham chiếu Pāli: *Ekam pi kho Poṭṭhapāda saññaggam paññāpemi, puthu pi saññagge paññāpemi*: Ta nói đến một cực điểm của tưởng và cũng nói đến nhiều cực điểm của tưởng.

³¹. Pāli: *purisassa attā*: tự ngã (linh hồn) của con người.

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói, sắc thân với bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng mà lớn, trang sức bằng y phục, nhưng là pháp vô thường, biến hoại. Tôi nói, con người đó là ngã.”

Phật nói với Phạm chí:

“Người nói, sắc thân với bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng mà lớn, trang sức bằng y phục, nhưng là pháp vô thường, biến hoại. Nói con người đó là ngã. Nay Phạm chí, hãy gác qua tự ngã đó³². Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt³³.”

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi nói, Dục giới thiên là ngã³⁴.”

Phật nói:

“Nay Phạm chí, hãy gác qua Dục giới thiên là tự ngã đó. Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt³⁵.”

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói, Sắc giới thiên là ngã³⁶.”

Phật nói:

“Nay Phạm chí, hãy gác qua Sắc giới thiên là tự ngã đó. Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt.”

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ, vô sắc thiên, là ngã.”

Phật nói:

“Hãy gác qua không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ³⁷, hữu tướng vô

³². Tham chiếu Pāli, D.9: Tadiminā p’ etaṃ Poṭṭhapāda pariyāyena veditabbam, yathā aññā va saññā bhavissati añño attā: Theo lý thú đó, cần phải hiểu rằng tưởng khác và tự ngã khác.

³³. Tham chiếu Pāli, sdd. nt.: atha imasa purisassa aññā va saññā uppajjanti, aññā vā saññā nirujjhānti: thế thì, đối với con người này, những tưởng khác sanh, những tưởng khác diệt.

³⁴. Pāli, sdd.: Manomayaṃ (...) attānaṃ paccemi sabbaṅga-paccaṅgiṃ ahīndriyan ti: tôi hiểu rằng ngã là do ý sanh, có đầy đủ các chi thể và quan năng.

³⁵. Tham chiếu Pāli, sdd. nt.: atha imassa purisassa aññā va saññā uppajjanti, aññā vā saññā nirujjhānti: thế thì, đối với con người này, những tưởng khác sanh, những tưởng khác diệt.

³⁶. Trong bản Pāli, không có quan điểm tự ngã này.

tưởng xứ, vô sắc thiên, là ngã. Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt.”

Phạm chí bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi có thể biết được tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt không³⁸?”

Phật nói:

“Người muốn biết tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt. Thật quá khó! Thật quá khó! Vì sao vậy? Vì do người, y pháp khác mà có kiến giải khác, tập hành khác, nhãn khác, thọ khác³⁹.”

Phạm chí bạch Phật:

“Thật vậy, thưa Cù-đàm, tôi y theo pháp khác mà có kiến giải khác, tập hành khác, nhãn khác, thọ khác, cho nên, muốn biết tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt, thật quá khó! Thật quá khó! Vì sao vậy? Ngã, thế gian là thường hằng: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian vừa thường vừa vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian không phải thường không phải vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là hữu biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian vừa hữu biên vừa vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian không phải hữu biên không phải vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Thân tức là mạng: đây là thật, ngoài ra là dối. Mạng khác thân khác: đây là thật, ngoài ra là dối. Thân, mạng không phải khác không phải không khác: đây là thật, ngoài ra là dối. Không mạng, không thân: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai không có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối.”

³⁷. Vô sở hữu xứ, trong bản dịch Hán; cũng trong bản Hán này, những nơi khác và ngay trong câu trên, dịch là bất dụng xứ; xem đoạn trên, cht. 21.

³⁸. Pāli, D. 9, Sakkā (...) mayā nātum: “saññā purisassa attā” ti vā, “aññā saññā añño attā” ti vā: Tôi có thể hiểu, tưởng của người là tự ngã, hay tưởng và tự ngã khác nhau” hay không?

³⁹. Dị kiến, dị tập, dị nhãn, dị thọ, y dị pháp cố 異見異習異忍異受依異法故; Pāli: añña-ditthena añña-khantikena añña-rucikena añnatrāyogena añnatthācariyakena: bởi vì người y theo sở kiến khác, tín nhãn khác, chấp nhận khác, học tập khác, hành trì khác.

Phật nói với Phạm chí:

“Thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng: là những câu hỏi Ta không trả lời⁴⁰.”

Phạm chí bạch Phật:

“Cù-đàm, vì sao không trả lời, ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng?”

Phật nói:

“Vì chúng không phù hợp ý nghĩa⁴¹, không phù hợp pháp, không phải phạm hạnh, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải Chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Nê-hoàn. Vì vậy Ta không trả lời.”

Phạm chí lại hỏi:

“Thế nào là phù hợp nghĩa, phù hợp pháp⁴²? Thế nào là phạm hạnh sơ⁴³? Thế nào là vô vi⁴⁴? Thế nào là vô dục⁴⁵? Thế nào là tịch diệt⁴⁶? Thế nào là chỉ tức⁴⁷? Thế nào là Chánh giác⁴⁸? Thế nào là Sa-môn⁴⁹? Thế nào là Nê-hoàn⁵⁰? Thế nào là vô ký⁵¹?”

Phật nói:

⁴⁰. Hán: ngã sở bất ký 我所不記; Pāli: avyākataṃ (...) mayā.

⁴¹. Hán: bất dữ nghĩa hợp 不與義合; Pāli: na h' ethaṃ attha-saṃhitaṃ: không phù hợp với mục đích (giải thoát). Đối chiếu từ ngữ, xem các chú thích tiếp dưới.

⁴². Hán: nghĩa hiệp pháp hiệp 義合法合; Pāli: attha-saṃhita, dhamma-saṃhita, có liên hệ với mục đích (giải thoát), có liên hệ với pháp.

⁴³. Phạm hạnh sơ 梵行初; Pāli: ādibrahmacariyaka, căn bản phạm hạnh, thuộc về những nguyên tắc căn bản hay nền tảng của đời sống đạo đức.

⁴⁴. Vô vi 無為, thông thường dịch từ Skt.: asaṃskhata hay Pāli: saṃkhata; nhưng trong đoạn Pāli tương đương (D. 9, Dig I, tr.157): nibbidā (yếm ly, nhàm tởm thế gian), Skt.: nirveda.

⁴⁵. Vô dục 無欲; Pāli: virāga, ly tham, ly dục hay dứt trừ tham dục.

⁴⁶. Tịch diệt 寂滅; Pāli: nirodha, diệt, huỷ diệt, diệt tận, tiêu diệt.

⁴⁷. Chỉ tức 止息, nghĩa đen: dừng nghỉ; Pāli: upasama: an tĩnh, bình an, trầm lặng.

⁴⁸. Chánh Giác 正覺; Pāli: sambodha

⁴⁹. Không đề cập trong đoạn Pāli tương đương.

⁵⁰. Nê-hoàn 泥洹, tức Niết-bàn; Pāli: nibbāna.

⁵¹. Vô ký 無記; Pāli: avyākata, không được trả lời, không được giải thích.

“Ta trả lời về Khổ đế, về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ xuất yếu đế. Vì sao vậy? Vì phù hợp nghĩa, phù hợp pháp, là phạm hạnh sơ thủ, là vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, Chánh giác, Sa-môn, Nê-hoàn. Vì vậy Ta trả lời.”

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho Phạm chí nghe xong, chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ, Ngài đứng dậy mà đi.

Phật đi chưa bao lâu, sau đó các Phạm chí khác nói với Phạm chí BỐ-tra-bà-lâu rằng:

“Tại sao người nghe theo những lời của Sa-môn Cù-đàm? Chấp nhận những lời của Cù-đàm rằng: ‘Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.’ Tại sao người ẩn khả những lời như vậy? Chúng ta không chấp nhận sở thuyết như vậy của Sa-môn Cù-đàm⁵².”

Bố-tra-bà-lâu trả lời các Phạm chí:

“Sa-môn Cù-đàm nói rằng: ‘Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.’ Tôi cũng không ẩn khả lời ấy. Nhưng Sa-môn Cù-đàm kia y trên Pháp, trụ trên Pháp⁵³, đúng Pháp mà nói, đúng theo Pháp mà xuất ly; làm sao tôi có thể chống lại lời nói có trí tuệ ấy? Pháp ngôn vi diệu như thế của Sa-môn Cù-đàm, không thể chống trái được.”

Rồi, một lúc khác⁵⁴, Phạm chí BỐ-tra-bà-lâu cùng với Tượng Thủ Xá-lợi-phất⁵⁵ đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Tượng Thủ lễ Phật xong rồi ngồi xuống. Phạm chí bạch Phật:

“Trước đây Phật tại chỗ tôi. Khi Ngài đi chưa lâu, sau đó các

⁵². Tham chiếu Pāli (D. 9, sđd.: nt.): Na kho pana mayaṃ kiñci Samanassa Gotamassa ekaṅsikaṃ dhammaṃ desitaṃ (...): chúng ta nhận thấy rõ ràng đối Sa-môn Gotama pháp (những vấn đề thường và vô thường của ngã và thế giới, v.v...) không được thuyết minh một cách xác quyết.

⁵³. Hán: y pháp, trụ pháp 依法住法; Pāli: dhammatṭhita, dhamma-niyāma (Skt.: dharmaṭṭhita, dharmaniyāma, xem *Pháp hoa*, phẩm “Phương tiện”: pháp trụ, pháp vị.)

⁵⁴. Pāli (D. 9, Dig I, tr.158): Atha kho dvīha-tīhassa accayena, rồi hay, ba ngày sau.

⁵⁵. Tượng Thủ Xá-lợi-phất; Pāli: Citta Hatthisāriputta, tên Tỳ-kheo. Xuất gia, rồi hoàn tục, rồi xuất gia lại; cuối cùng chứng A-la-hán. Trong kinh này, ông là Cư sĩ.

Phạm chí khác nói với tôi rằng: ‘Tại sao người nghe theo những lời của Sa-môn Cù-đàm? Chấp nhận những lời của Cù-đàm rằng: ‘Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.’ Tại sao người ẩn khả những lời như vậy? Chúng ta không chấp nhận sở thuyết như vậy của Sa-môn Cù-đàm.’ Tôi trả lời các Phạm chí: ‘Sa-môn Cù-đàm nói rằng: ‘Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.’ Tôi cũng không ẩn khả lời ấy. Nhưng Sa-môn Cù-đàm kia y trên Pháp, trụ trên Pháp, đúng Pháp mà nói, đúng theo Pháp mà xuất ly; làm sao chúng ta có thể chống lại lời nói có trí tuệ ấy? Pháp ngôn vi diệu như thế của Sa-môn Cù-đàm, không thể chống trái được.’”

Phật nói với Phạm chí:

“Các Phạm chí nói: ‘Người tại sao nghe những điều Sa-môn Cù-đàm nói mà ẩn khả?’ Lời ấy sai lầm. Vì sao vậy? Pháp mà Ta nói, có trường hợp được ghi nhận xác quyết, có trường hợp không được ghi nhận xác quyết⁵⁶. Thế nào gọi là không ghi nhận xác quyết? Ngã, thế gian thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng. Ta cũng nói lời ấy, nhưng không ghi nhận xác ký. Sở dĩ như vậy, vì những lời ấy không phù hợp nghĩa, không phù hợp pháp, không phải là phạm hạnh sơ, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải Chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Nê-hoàn. Vì vậy, này Phạm chí, Ta tuy nói những lời ấy nhưng không ghi nhận xác quyết. Thế nào gọi là ghi nhận xác quyết? Ta ghi nhận Khổ đế, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ xuất yếu đế. Vì sao vậy? Điều đó phù hợp nghĩa, phù hợp pháp, là phạm hạnh sơ thủ, vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, Chánh giác, Sa-môn, Nê-hoàn. Vì vậy, Ta nói được ghi nhận xác quyết.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương ở một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc⁵⁷. Ta nói với vị ấy rằng: ‘Các ông có thật chủ trương ở

⁵⁶. Hán: hữu quyết định ký, bất quyết định ký 有決定記不決定記. Pāli (D. 9, Dig I, tr.159): ekaṅsikā pi hi Poṭṭhapāda mayā dhammā desitā paññattā, anekaṅsikā pi hi kho Poṭṭhapāda mayā dhammā desitā, có những pháp được Ta công bố một cách xác quyết, có những pháp được Ta công bố một cách không xác quyết.

⁵⁷. Tham chiếu Pāli (D.9 sdd. nt.): Ekanta-sukhī attā arogo paraṃ maraṇā hoti: Sau

một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc chãng?’ Những vị ấy trả lời Ta rằng: ‘Thật vậy.’ Ta lại nói với họ rằng: ‘Các ông có thấy, biết một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc không?’ Họ trả lời: ‘Không thấy, không biết.’ Ta lại nói với họ: ‘Chư Thiên ở một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc⁵⁸; các ông đã từng thấy chưa?’ Kia đáp: ‘Không biết, không thấy.’ Ta lại hỏi: ‘Chư Thiên ở một nơi thế gian kia, có bao giờ các ông từng cùng đứng ngồi trò chuyện, tinh tấn tu định chưa?’ Đáp rằng: ‘Chưa.’ Ta lại hỏi: ‘Chư Thiên ở một nơi thế gian hoàn toàn sung sướng kia, có bao giờ đến nói với các ông chưa, rằng: ‘Việc làm của người chất trực, người sẽ sanh lên cõi trời hoàn toàn sung sướng kia. Ta do việc làm chất trực, nên được sanh lên kia cùng hưởng thọ dục lạc?’ Kia đáp rằng: ‘Chưa.’ Ta lại hỏi: ‘Các ông có thể ở nơi thân của mình, khởi tâm biến hóa thành thân tứ đại khác, thân thể đầy đủ, các căn không khuyết, hay không?’ Kia đáp: ‘Không thể’. Thế nào, Phạm chí, những điều mà Sa-môn, Bà-la-môn kia nói có thành thật chãng? Có thích ứng với pháp chãng?’

Phạm chí bạch Phật:

“Đấy không phải là thành thật; không phải là lời nói đúng pháp.”

Phật bảo Phạm chí:

“Như có người nói: ‘Tôi đã giao thông với người nữ xinh đẹp kia, khen ngợi dâm nữ kia.’ Người khác hỏi: ‘Người có biết người nữ ấy không? Ở tại địa phương nào: Đông, Tây, Nam, Bắc?’ Đáp: ‘Không biết.’ Lại hỏi: ‘Người có biết đất đai, thành ấp, chòm xóm mà người nữ ấy cư ngụ không?’ Đáp: ‘Không biết’. Lại hỏi: ‘Người có biết người kia là Sát-ly, hay Bà-la-môn, hay Cư sĩ, hay Thủ-đà-la không?’ Đáp: ‘Không.’ Lại hỏi: ‘Người có biết người kia cao hay thấp, thô kệch hay thanh lịch. Đen hay trắng, xấu hay đẹp không?’ Đáp: ‘Không.’ Thế nào, Phạm chí, những điều mà người này nói có thành thật chãng?’

Đáp: ‘Không’.

“Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng vậy, không có sự chân thật. Phạm chí, cũng như có người dựng thang nơi khoảng đất trống. Những người khác hỏi: ‘Dựng thang để làm gì?’ Đáp: ‘Tôi muốn leo lên

khi chết, tự ngã hoàn toàn sung sướng không bệnh.

⁵⁸. Pāli, sdd. nt.: tā devatā ekanta-sukhaṃ lokam upannā: chư Thiên kia sanh vào thế giới hoàn toàn sung sướng.

nhà trên.’ Thế nào, Phạm chí, người dựng thang kia há không phải là đối sao?”

Đáp: “Kia thật sự hư dối”.

Phật nói:

“Các Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng vậy, hư dối, không thật.”

Phật bảo Bố-tra-bà-lâu:

“Thân ta⁵⁹, sắc gồm bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng bú mớm, trang sức bằng y phục, vô thường hoại diệt; thân đó được cho là ngã. Ta nói đó là ô nhiễm, là thanh tịnh, là được giải thoát⁶⁰. Ý của người hoặc giả cho rằng pháp nhiễm ô không thể diệt, pháp thanh tịnh không thể sanh, luôn luôn tồn tại trong đau khổ⁶¹. Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì, pháp nhiễm ô có thể bị diệt tận, pháp thanh tịnh có thể xuất sanh, an trú nơi lạc địa, hoan hỷ, ái lạc, chuyên niệm, nhất tâm, trí tuệ rộng lớn⁶². Phạm chí, Ta đối với Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng thiên, nói là ô nhiễm và cũng nói là thanh tịnh, cũng nói là được giải thoát. Ý người có thể cho rằng pháp nhiễm ô không thể diệt, pháp thanh tịnh không thể sanh, luôn luôn tồn tại trong đau khổ. Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì, pháp nhiễm ô có thể bị diệt tận, pháp thanh tịnh có thể xuất sanh, an trú nơi lạc địa, hoan hỷ, ái lạc, chuyên niệm, nhất tâm, trí tuệ

⁵⁹. Đoạn này nói về bốn loại ngã chấp (Pāli phân biệt chỉ có ba: *atta-paṭilābha* (ngã đắc): 1. Thân tứ đại là ngã; Pāli: *oḷārika attā-paṭilābha* (thô ngã đắc); 2. Thân dục giới thiên; 3. Sắc giới thiên là ngã (Pāli: *manomaya attā-paṭilābha*: ý sở thành ngã đắc); 4. Thân vô sắc là ngã (Pāli: *arūpo attā-paṭilābha*: vô sắc ngã đắc).

⁶⁰. Tham chiếu Pāli (D. 9, Dig I, tr.163): *Oḷārikassa kho ahaṃ Poṭṭhapāda attā-paṭilābhassa pahānāya dhammaṃ desemi, yathā paṭipannānaṃ vo saṃkilesikā dhammā pahīyissanti, vodāniyā dhammā abhivaḍḍhissanti, paññā-pāripūriṃ vepullatañ ca diṭṭhe va dhamma sayā abhiññā sacchikatvā upasampajja vihararissathāti*: Ta thuyết pháp để đoạn trừ tự ngã thô. Như thế mà thực hành, các pháp ô nhiễm sẽ bị đoạn trừ, các pháp thanh tịnh sẽ được tăng trưởng và ngay trong đời này mà tự mình thắng tri và chứng ngộ trí tuệ viên mãn và quảng đại, thông đạt và an trú.

⁶¹. Đối chiếu Pāli, sdd. nt.: *Siyā kho pane te Poṭṭhapāda evam assa: ‘Saṃkilesā dhammā pahīyissanti (...), dukkho ca khi vihāro ti*: Các người có thể nghĩ rằng: các pháp nhiễm ô diệt (...) nhưng vẫn sống trong đau khổ.

⁶². Xem cht. 60.

rộng lớn⁶³. ”

Bấy giờ Tượng Thủ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới, với bốn đại và các căn, khi ấy thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ thiên, lúc ấy có đồng thời cùng hiện hữu không⁶⁴?

“Bạch Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân thuộc Dục giới thiên, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ thiên, lúc ấy có đồng thời cùng hiện hữu không?

“Bạch Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân thuộc Sắc giới thiên, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ có đồng thời cùng hiện hữu không?

“Cũng vậy, cho đến, khi đang hiện hữu thân thuộc Hữu tướng vô tướng xứ, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ thiên có đồng thời cùng hiện hữu không?”

Phật nói với Tượng Thủ Xá-lợi-phất :

“Khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân người thuộc Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không xứ thiên, thân Thức xứ thiên, thân Vô sở hữu xứ thiên, thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, cho đến, nếu khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy là thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải là thân Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không

⁶³. Pāli, sdd. nt.: Saṃkilesikā c’ eva dhammā pahīyissanti, vodāniyā dhammā abhivaḍḍhissanti (...) pāmujjam c’ eva bhavissati pīti ca passaddhi ca sati ca sampajaññañ ca sukho ca vihāro: khi các pháp nhiễm ô bị diệt trừ, pháp thanh tịnh được tăng trưởng (...), khoái lạc sẽ sanh, cùng với hỷ, khinh an, chánh niệm, chánh tri và sống an lạc.

⁶⁴. Tham chiếu Pāli (D. 9 § 38): Yasmiṃ bhante samaye oḷāriko atta-pṭilābho hoti, mogh’ assa tasmim samaye manomayo atta-pṭilābho hoti, mogho arūpo atta-paṭilābho hoti: Bạch Đại Đức, trong khi sở đắc ngã thô tồn tại, thì có đồng thời tồn tại sở đắc ngã do ý sanh và sở đắc ngã vô sắc không?

xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ thiên.

“Này Tượng Thủ, ví như sữa bò. Sữa biến thành tô. Tô biến thành lạc. Lạc biến thành sanh tô. Sanh tô biến thành thực tô. Thực tô biến thành đề hồ. Đề hồ là bậc nhất. Khi là sữa, thì chỉ được gọi là sữa mà không gọi là lạc, tô, đề hồ. Cũng vậy, lần lượt cho đến khi là đề hồ, thì khi ấy chỉ được gọi là đề hồ mà không gọi là lạc, tô.

“Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Vô sở hữu xứ thiên.

“Tượng Thủ, ý người nghĩ sao? Nếu có người hỏi người: ‘Khi đang hiện hữu thân quá khứ; khi ấy thân vị lai và thân hiện tại có cùng nhất thời hiện hữu không? Khi đang hiện hữu thân vị lai, khi ấy thân quá khứ và thân hiện tại có đồng thời hiện hữu không? Khi đang hiện hữu thân hiện tại, khi ấy thân quá khứ và thân vị lai có đồng thời hiện hữu không?’ Giả sử được hỏi như vậy, người sẽ trả lời như thế nào?”

Tượng Thủ đáp:

“Giả sử có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời người ấy rằng: ‘Khi đang hiện hữu thân quá khứ, khi ấy duy chỉ là thân quá khứ, mà không phải là thân hiện tại và vị lai. Khi đang hiện hữu thân vị lai, khi ấy duy chỉ là thân vị lai. Chứ không phải là thân quá khứ và hiện tại. Khi đang hiện hữu thân hiện tại, khi ấy chỉ là thân hiện tại, chứ không phải là thân quá khứ và thân vị lai’.”

Phật nói:

“Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Bất dụng xứ

thiên⁶⁵.

“Lại nữa, Tượng Thủ, giả sử có người hỏi người: ‘Có phải người trong quá khứ đã từng hiện hữu và đã diệt; vị lai sẽ sanh và hiện tại đang tồn tại chăng?’ Nếu được hỏi như vậy, người sẽ trả lời như thế nào?”

Tượng Thủ bạch Phật:

“Giả sử có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời người ấy rằng: ‘Trong quá khứ tôi đã từng hiện hữu; không phải không hiện hữu. Trong vị lai, tôi sẽ sanh, chứ không phải không có; trong hiện tại, tôi đang tồn tại. Chứ không phải không có.’”

Phật nói:

“Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Vô sở hữu xứ thiên.”

Bấy giờ, Tượng Thủ bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con là Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay đến trọn đời, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.”

Khi ấy Phạm chí Bồ-tra-bà-lâu bạch Phật:

“Con có thể ở trong Phật pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc được không?”

Phật nói với Phạm chí:

“Nếu có người dị học muốn được xuất gia thọ giới trong Pháp của Ta, trước hết phải cần bốn tháng quán sát, làm hài lòng đại chúng, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Tuy có quy định như vậy, nhưng cũng còn nhận xét tùy người.”

Phạm chí bạch Phật:

⁶⁵. Bản Hán, khi nói là Bất dụng xứ, khi nói là Vô sở hữu xứ, không dùng một từ chuẩn.

“Nếu có các người đệ học muốn được xuất gia thọ giới trong Phật Pháp, trước hết phải cần bốn tháng quán sát, làm hài lòng đại chúng, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Như con nay, có thể ở trong Phật pháp qua bốn tháng quán sát, khi đại chúng hài lòng, con mới xin xuất gia thọ giới Cụ túc.”

Phật nói với Phạm chí:

“Ta đã có nói với người trước rồi. Tuy có quy định như vậy, nhưng cũng còn nhận xét tùy người.”

Bấy giờ Phạm chí liền được xuất gia thọ giới Cụ túc ở trong Chánh pháp. Như vậy không bao lâu, do tín tâm kiên cố, tịnh tu phạm hạnh, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa; tức thành A-la-hán.

Bấy giờ, Bồ-tra-bà-lâu sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

